TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **112**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 9 - 2023
"V/v *Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và ông Lê Nghĩa .

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 272/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2023/QĐXX-ST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Hồ Thị P, sinh năm 1986; Địa chỉ: Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Nguyễn Ngọc T trình bày: Anh T tự nguyện kết hôn với chị Hồ Thị P, sinh năm 1986 vào năm 2004 tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Khi cưới nhau về thì ở nhà cha mẹ ruột anh tại thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Hồ Kiều T1, sinh năm 2004. Mâu thuẫn phát sinh từ Tết năm 2006, vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã nhau, chị P ẵm con về phía ngoại ở luôn từ đó đến nay. Phía gia đình hai bên nội ngoại cũng không có mâu thuẫn. Khi chị P về nhà mẹ ruột thì anh có xuống nhà để nói chuyện xin về nhưng chị P không chịu về. Từ đó đến nay, chị P không cho anh T thăm con. Từ năm 2006 đến nay thì chỉ gặp vợ một vài lần nhưng cảm thấy không hàn gắn được hạnh phúc nên thôi. Do đó, yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P. Anh T cam kết chưa được Toà án nào thụ lý và giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hồ Kiều T1, sinh năm 2004. Hiện nay,

cháu T1 đã trưởng thành, kết hôn và có cuộc sống ổn định, không yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 02/8/2023 tại Công an Phường P, thành phố T, Phú Yên xác định chị Hồ Thị P có đăng ký thường trú tại Khu phố D, phường P, thành phố T, Phú Yên. Hiện nay, chị P đang sinh sống và có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bị đơn P. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Nguyễn Ngọc T yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn Hồ Thị P có địa chỉ tại khu phố D, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt, không rõ lý do tại phiên tòa mở lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Ngọc T và bị đơn Hồ Thị P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2004 ngày 14/01/2004, đảm bảo về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên đơn trình bày vợ chồng kết hôn từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện. Nhưng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bị đơn và con chung không ở chung với nguyên đơn mà bỏ về nhà cha mẹ ruột từ năm 2006 đến nay. Tình cảm vợ chồng từ lâu đã không còn, không có tình cảm và nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Nay, nguyên đơn yêu cầu ly hôn. Bị đơn vắng mặt, Tòa án đã triệu tập nhiều lần không đến Tòa làm việc nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Xét hai bên đương sự đã không còn chung sống từ năm 2006 đến nay, tình cảm và trách nhiệm, nghĩa vụ của vợ chồng không có. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[5] Con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là cháu Nguyễn Hồ Kiều T1, sinh ngày 29/5/2004. Nay đã trưởng thành, kết hôn nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung*:* Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí*:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Ngọc T được ly hôn với bị đơn Hồ Thị P.

2. *Về con chung:* Không yêu cầu giải quyết.

3. *Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí HNGĐ-ST:* Nguyên đơn Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0009824 ngày 30/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn T đã nộp đủ.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- UBND phường Phú Lâm (số 12/2004);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Uyên